



TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN TẠI

CHỢ BÌNH ĐIỀN (Ngày 06/10/2017)

	giảm
	tăng
Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
A/ NGÀNH HÀNG THỦY HẢI SẢN TƯƠI:	
Cá biển:	Đồng/kg
Cá thu (K.Giang-P.Quốc)	160.000
Cá ngừ (K.Giang-S.Trắng)	53.000
Cá bạc má (S.Trắng-V.Tàu)	55.000
Cá nục (K.Giang-V.Tàu)	33.000
Cá bóp (K. Giang-M.Hải)	170.000
Cá sòng (K. Giang-M.Hải)	31.000
Cá chẽm (K.Giang-S.Trắng)	80.000
Thủy hải sản khác :	Đồng/kg
Tôm sú sống (Bến Tre)	270.000
Mực ống (K.Giang-P.Quốc)	190.000
Mực lá (K.Giang-P.Quốc)	190.000
Tôm thẻ (Khánh Hòa)	200.000
Cua (B.Tre-B.Liêu)	230.000
Ghẹ - Càng ghẹ(Vũng Tàu)	250.000
Cá nhập khẩu :	
Cá nục bông (Nhật)	34.000
Cá thu đao (Đài loan)	38.000
Mực ống-lá(NK Đài loan)	70.000
Cá Đồng:	Đồng/kg
Cá điêu hồng (Vĩnh Long)	48.000
Cá hú (C.Thơ-A.Giang)	49.000
Cá trê phi (C.Thơ-Đ.Tháp)	33.000
Cá tra (C.Thơ-A.Giang)	30.000
Cá basa (C.Thơ-A.Giang)	34.000
Cá rô (C.Thơ-Đ.Tháp))	33.000

Cá lóc (A.Giang-Đ.Tháp)	45.000
Cá kèo (C.Thơ-B.Liêu)	90.000
Cá thát lát (T.Ninh-B.Liêu)	80.000
Hải sản phụ :	Đồng/kg
Nghêu (Hà Nội)	30.000
Nghêu (G.Công-C.Giờ-B.Tre)	40.000
Sò lông (Bình Thuận)	70.000
Sò huyết (Cà Mau)	140.000
Ốc hương (Cà Mau)	350.000
Ốc bươu (Bạc Liêu)	35.000
Chem chép (Bến Tre)	110.000
B/ NGÀNH HÀNG RAU - CỦ - QUẢ:	
Trái cây:	Đồng/kg
Thanh long (Long An-Phan Thiết)	20.000
Mãng cầu (Tây Ninh)	45.000
Quýt (Lai vung)	32.000
Dưa hấu (Long An)	10.000
Cam sành (T.Giang)	25.000
Bưởi (Vĩnh Long)	43.000
Bơ (Đà lạt)	40.000
Xoài cát (Hoà Lộc)	50.000
Củ quả:	Đồng/kg
Bắp cải (Đà lạt)	8.000
Cải thảo (Đà lạt)	12.000
Củ cải trắng(Đ.Lạt-P.Rang-Đ.Nông)	6.000
Khổ qua (L.An-T.Ninh-T.Giang-CT)	12.000
Dưa leo (L.An-T.Ninh-T.Giang-CT)	8.000
Đậu que (Đà lạt)	18.000
Cà chua (Đ.Lạt-P.Rang-Đ.Nông)	22.000
Cà rốt (Đà lạt)	18.000
Khoai tây (Đà lạt)	15.000
Bí (L.An-T.Ninh-T.Giang-CT)	5.000
Bầu (L.An-T.Ninh-T.Giang-CT)	5.000
Rau lá:	Đồng/kg
Cải rổ (Tiền Giang)	20.000
Cải ngọt (Tiền Giang-L.An-Đ.Nai)	15.000
Cải xanh (Tiền Giang-L.An-Đ.Nai)	18.000
Xà lách búp (Đà Lạt)	28.000
Xà lách xoong (L.An-Đ.lạt-C.Thơ)	35.000

Rau muống (Củ chi-L.An-T.Giang)	5.000
Cải thìa(L.An-T.Giang-Đ.Nai-Đ.Lạt)	18.000
Ngò rí(Ba5cLieu-Đ.Lạt-T.Giang)	50.000
Rau dền(B.Chánh-L.An-T.Giang)	8.000
Gia vị:	
Củ hành trắng (Đà Lạt)	13.000
Củ hành đỏ (Vĩnh châu)	50.000
Ớt hiểm (Tiền Giang- L.An)	55.000
Chanh (Bến Tre)	20.000
Tỏi (Hà Nội)	45.000
C/ NGÀNH HÀNG SÚC SẢN - GIA CẦM:	
Đùi gà (nhập khẩu)	38.000
Cánh gà (nhập khẩu)	68.000
Bẹ gà (nhập khẩu)	30.000
Chân gà (nhập khẩu)	55.000
Gà tam hoàng nguyên con	60.000
Gà công nghiệp nguyên con	45.000
Vịt nguyên con	60.000
Heo thịt	38.000
Heo nái	22.000
Đùi	50.000
Ba rọi	60.000
Nạc	60.000
Sườn non	100.000